

BẢN ĐẶC TẢ VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NH: 2024-2025
MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 10 – TRỒNG TRỌT

1. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra theo các mức độ)	Số lượng câu hỏi ở các mức độ	
				TN NLC	TN Đ/S
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	III. Phân bón	3.1. Giới thiệu về phân bón	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm về phân bón. - Trình bày được vai trò của phân bón trong trồng trọt. Lấy ví dụ từng loại. - Nêu được đặc điểm cơ bản của một số loại phân bón phổ biến. - Nhận biết được một số loại phân bón thông thường.	2	
			Thông hiểu: - Phân biệt được đặc điểm, tính chất của phân hóa học, phân hữu cơ, phân vi sinh, so sánh ưu và nhược điểm của mỗi loại phân bón.	2	
		3.2. Sử dụng và bảo quản phân bón	Nhận biết: - Mô tả được cách sử dụng các loại phân bón phổ biến. - Nêu được các nguyên tắc chung cơ bản khi bảo quản các loại phân bón.	1	2
			Thông hiểu: - Giải thích được cơ sở khoa học của việc sử dụng phân bón có hiệu quả. - So sánh được các biện pháp sử dụng và bảo quản phân bón hoá học, phân bón hữu cơ và phân bón vi sinh.	1	2
			Vận dụng: - Lựa chọn được loại phân bón thích hợp cho một số loại cây trồng phổ biến ở địa phương. - Đề xuất được biện pháp bảo quản, sử dụng phân bón hợp lí ở gia đình và địa phương đem lại hiệu quả kinh tế cao đồng thời bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho con người.	2	4
		3.3. Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón	Nhận biết: - Trình bày được một số ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón. - Nêu được nguyên lí chung khi ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất phân bón vi sinh vật.	2	
			Thông hiểu: - Mô tả được quy trình sản xuất phân bón vi sinh cố định đạm, phân bón vi sinh chuyển hoá lân, phân bón vi sinh phân giải chất hữu cơ.	2	
2	IV. Công nghệ giống cây trồng	4.1. Khái niệm và vai	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm giống cây trồng. - Nêu được vai trò của giống cây trồng.	4	

		trò giống cây trồng			
		4.2. Một số phương pháp chọn, tạo giống cây trồng	Nhận biết: - Mô tả các phương pháp chọn giống cây trồng phổ biến. - Mô tả được các phương pháp tạo giống cây phổ biến. - Nêu được một số thành tựu của công tác chọn tạo giống cây trồng ở Việt Nam và trên thế giới.	2	
			Thông hiểu: - So sánh được ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp chọn giống cây trồng phổ biến. - So sánh được ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp tạo giống cây trồng phổ biến.	2	
		4.3. Nhân giống cây trồng	Nhận biết: - Mô tả được các phương pháp nhân giống cây trồng phổ biến. - Nêu được một số thành tựu của nhân giống cây trồng ở Việt Nam và trên thế giới. - Trình bày được ứng dụng của công nghệ sinh học trong chọn, tạo và nhân giống cây trồng.	1	2
			Thông hiểu: - Phân tích được ưu và nhược điểm của các phương pháp nhân giống cây trồng phổ biến. - Giải thích được ý nghĩa của công nghệ sinh học trong chọn, tạo và nhân giống cây trồng.	1	2
			Vận dụng: - Lựa chọn được phương pháp nhân giống phù hợp cho một loại cây trồng phổ biến ở gia đình, địa phương. - Đề xuất được biện pháp nhân giống phù hợp cho một số loại cây trồng phổ biến ở gia đình, địa phương.	2	4
		Tổng		24	16

2. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng số câu hỏi			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều LC			TNKQ đúng - sai						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	III. Phân bón	3.1	2	2					2	2		10
		3.2	1	1	2	2	2	4	3	3	6	30
		3.3	2	2					2	2		10
2	IV. Công nghệ giống cây trồng	4.1	4						4			10
		4.2	2	2					2	2		10
		4.3	1	1	2	2	2	4	3	3	6	30
Tổng số câu			12	8	4	4	4	8	16	12	12	
Tổng số điểm			3	2	1	1	1	2	4	3	3	10
Tỉ lệ %			60			40			40	30	30	100

* Cách tính điểm:

Phần I (24 câu): Mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,25 điểm

Phần II (4 câu):

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

BẢN ĐẶC TẢ VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NH: 2024-2025
MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 11 – CHĂN NUÔI

1. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra theo các mức độ)	Số lượng câu hỏi ở các mức độ	
				TN NLC	TN Đ/S
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	II. Công nghệ giống vật nuôi	2.1. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi	Nhận biết: - Kể tên được các ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi. - Nêu được khái niệm cơ bản của các công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi. - Nêu được ý nghĩa của các ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi.	1	1
			Thông hiểu: - Phân tích được ứng dụng của công nghệ sinh học trong chọn giống vật nuôi. - Phân tích được ứng dụng của công nghệ sinh học trong nhân giống vật nuôi.	1	1
			Vận dụng: - Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học ứng dụng trong chọn giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương. - Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học ứng dụng trong nhân giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.	1	2
2	III. Công nghệ thức ăn chăn nuôi	3.1. Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi	Nhận biết: - Trình bày được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi. - Nêu được ý nghĩa thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi. - Nêu được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi.	3	1
			Thông hiểu: - Phân biệt được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi. - Giải thích được ý nghĩa của việc xác định thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi và chăn nuôi. - Giải thích được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi.	2	1
			Vận dụng: - Phân tích được nhu cầu dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương	1	2
			Nhận biết:	3	1

		3.2. Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi	- Kể tên được các nguyên liệu chính dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi. - Kể tên được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Nêu được tên các bước của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.		
			Thông hiểu: - Tóm tắt được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Trình bày được ứng dụng của công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi. - Lựa chọn được nguyên liệu phù hợp để chế biến thức ăn cho một loại vật nuôi cụ thể. - Lựa chọn được phương pháp phù hợp để chế biến thức ăn cho các đối tượng vật nuôi khác nhau.	2	1
			Vận dụng: - Đề xuất được phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn của gia đình, địa phương. - Chế biến được một loại thức ăn vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương.	1	2
		3.3. Bảo quản thức ăn chăn nuôi	Nhận biết: - Kể tên được một số phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi.	2	1
			Thông hiểu: - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi phổ biến.	1	1
			Vận dụng: - Đề xuất được phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn của gia đình, địa phương.	1	2
3	IV. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi	4.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm, tác hại của bệnh trong chăn nuôi. - Kể tên được một số loại bệnh phổ biến ở vật nuôi. - Kể tên được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. - Nêu được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi.	3	
			Thông hiểu: - Phân tích được tác hại của bệnh trong chăn nuôi. - Giải thích được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. - Phân biệt được phòng bệnh và trị bệnh. - Nêu được vai trò của phòng trị bệnh với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương.	2	
Tổng				24	16

2. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng số câu hỏi			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều LC			TNKQ đúng - sai						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Công nghệ giống vật nuôi	2.1	1	1	1	1	1	2	2	2	3	17,5
2	Công nghệ thức ăn chăn nuôi	3.1	3	2	1	1	1	2	4	3	3	25
		3.2	3	2	1	1	1	2	4	3	3	25
		3.3	2	1	1	1	1	2	3	2	3	20
3	Phòng, trị bệnh cho vật nuôi	4.1	3	2					3	2		12,5
Tổng số câu			12	8	4	4	4	8	16	12	12	
Tổng số điểm			3	2	1	1	1	2	4	3	3	10
Tỉ lệ %			60			40			40	30	30	100